

CÔNG TY TNHH TXCOM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TXCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TXCOM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TXCOM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109212274

3. Ngày thành lập: 08/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

tầng 5 toà nhà Sudico (HH3), đường Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913593686

Fax:

Email: lehoaivu68@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511(Chính)
2.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện	3512
3.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
4.	Thu gom rác thải độc hại	3812
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
6.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
7.	Tái chế phế liệu	3830
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
9.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Quảng cáo	7310
12.	In ấn	1811
13.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
14.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
15.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
16.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
17.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

18.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
19.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
20.	Trồng lúa	0111
21.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
22.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
23.	Trồng cây mía	0114
24.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
25.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Trồng cây hàng năm khác	0119
28.	Trồng cây ăn quả	0121
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
30.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
31.	Trồng cây điều	0123
32.	Trồng cây hồ tiêu	0124
33.	Trồng cây cao su	0125
34.	Trồng cây cà phê	0126
35.	Trồng cây chè	0127
36.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
37.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
38.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
39.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
40.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
41.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
42.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
43.	Chăn nuôi gia cầm	0146
44.	Khai thác thủy sản biển	0311
45.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
46.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
48.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
49.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
52.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610
55.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Kinh doanh rượu - Kinh doanh bia, nước giải khát	4633
58.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
59.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;	4649
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
62.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

74.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7911
75.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;	4932
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý internet	6190
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án.	7110
81.	Xây dựng nhà để ở	4101
82.	Xây dựng nhà không để ở	4102
83.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
84.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
85.	Xây dựng công trình điện	4221
86.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
87.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

88.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
89.	Xây dựng công trình thủy	4291
90.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
91.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
92.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
93.	Phá dỡ	4311
94.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
96.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
97.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
98.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
99.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
103.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
106.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường - Dịch vụ tư vấn về kỹ thuật trang thiết bị y tế	7490
108.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo trong lĩnh vực xây dựng; - Hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học	8559
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HOÀI VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033078002110

Ngày cấp: 08/03/2020

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và
DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô số 07-BT2-KDA Mễ Trì Hạ, TDP Số 3, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lô số 07-BT2-KDA Mễ Trì Hạ, TDP Số 3, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội